

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 10**

CBGD: **Hà Minh Phước (260022)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm ng
1	2120120587	HÀ NGỌC KIỀU ANH	27/03/2002	CCQ2012Q						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
2	2120120609	NGUYỄN HOÀNG ANH	30/08/2002	CCQ2012R						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
3	2120270143	HỒ PHƯƠNG THÚY DIỄM	20/08/2002	CCQ2012Q						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
4	2120120588	TRƯƠNG MỸ DUYÊN	13/04/2002	CCQ2012Q						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
5	2120120715	LÊ THỊ THỦY DƯƠNG	17/07/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
6	2120120612	TRƯƠNG THỊ THỦY DIỄM	07/02/2002	CCQ2012R						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
7	2120120613	TRẦN VĂN ĐỨC	09/12/2002	CCQ2012R							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
8	2120120689	BÙI THỊ GIANG	26/07/2002	CCQ2012R						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
9	2120240097	VŨ THỊ NGỌC GIANG	17/03/2002	CCQ2012R						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
10	2120120590	NGUYỄN THỊ HẠNH	03/08/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
11	2120120591	LÊ THỊ PHƯƠNG HẰNG	12/03/2002	CCQ2012Q						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
12	2120120614	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	06/03/2002	CCQ2012R						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
13	2120110249	HUỖNH TRUNG HẬU	29/11/2002	CCQ2012R						6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
14	2120120615	NGUYỄN THANH HIỆP	17/12/2000	CCQ2012R						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
15	2120120592	TRẦN TRUNG HIẾU	03/11/2002	CCQ2012Q						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
16	2120120616	TRẦN NHẬT HOÀNG	10/06/2002	CCQ2012R						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
17	2120120617	MAI THỊ HUỆ	06/02/2002	CCQ2012R						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
18	2120110083	HOÀNG VĂN HUỖNH	22/09/2001	CCQ2012R						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
19	2118120026	ĐỖ KHÁNH HƯNG	29/08/2000	CCQ1812A						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)
20	2120120716	PHẠM LÊ ANH KHOA	30/06/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7)

CBGD: Hà Minh Phước (260022)

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm ng
21	2120120594	HUỖNH THỊ THÙY	LÀI	17/06/2002	CCQ2012Q					8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
22	2120120593	VŨ THỊ HƯƠNG	LAN	04/11/2002	CCQ2012Q					8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
23	2120190009	LÊ HOÀI	LINH	16/06/2002	CCQ2012Q					9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
24	2120030049	PHẠM VĂN	LONG	08/02/2002	CCQ2012R					8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
25	2120110121	NGUYỄN TRƯỜNG	LUẬT	20/06/2001	CCQ2012R					7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
26	2120120595	PHAN HUỖNH	MY	05/01/2002	CCQ2012Q					8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
27	2120110227	TRẦN VĂN	NAM	20/06/2002	CCQ2012R					5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
28	2120120620	LÝ THỊ KIM	NGÂN	08/01/2001	CCQ2012R					8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
29	2120260226	NGÔ HOÀNG KIM	NGỌC	31/08/2002	CCQ2012Q					8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
30	2118120218	HUỖNH LÊ TUẤN	NHA	12/05/1999	CCQ1812C					8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
31	2120120621	PHẠM THỊ NGỌC	NHƯ	27/09/2002	CCQ2012R					8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
32	2120120718	TRƯƠNG THỊ HOÀNG	OANH	15/09/2002	CCQ2012Q					8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
33	2120120597	VŨ THỊ MỸ	PHỤNG	05/10/2002	CCQ2012Q					8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
34	2120120622	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	09/03/2002	CCQ2012R					8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
35	2120260127	KHUẤT THỊ	PHƯƠNG	15/02/2002	CCQ2012Q					7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
36	2120120598	NGUYỄN HỮU THÁI	QUANG	17/08/2002	CCQ2012Q						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
37	2120120623	PHẠM VŨ MINH	QUÂN	05/05/2001	CCQ2012R						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
38	2120120556	LƯƠNG THỊ NHƯ	QUỖNH	20/08/2001	CCQ2012R					8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
39	2120100092	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỖNH	19/10/2002	CCQ2012Q					9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7
40	2120120599	LÊ VĂN	SÁNG	10/08/2001	CCQ2012Q						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 10**

CBGD: **Hà Minh Phước (260022)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm
41	2120120600	NGUYỄN TUẤN TÀI	23/04/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
42	2119240349	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	27/01/2001	CCQ1912N							(V) 0 1 2 3 4 5 6
43	2120110128	PHẠM VIỆT THANH	04/04/2002	CCQ2012R							(V) 0 1 2 3 4 5 6
44	2120120724	TRẦN KIM THANH	20/05/2002	CCQ2012R						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
45	2120120725	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO	18/05/2002	CCQ2012R						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
46	2120120719	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	07/02/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
47	2120170483	TRẦN VĂN THẢO	02/02/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
48	2120120729	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	24/03/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
49	2120170454	NGUYỄN NGỌC THẮNG	11/01/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
50	2120120720	NGUYỄN THỊ THIÊN	03/07/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
51	2120120721	PHẠM QUỐC THỊNH	09/12/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
52	2120170098	NGUYỄN HỒNG THU	21/11/2001	CCQ2012R						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
53	2120120727	MAI THỊ THÚY	11/06/2002	CCQ2012R						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
54	2120190062	TRẦN NGỌC ANH THƯ	02/12/2002	CCQ2012R						6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
55	2120110027	NGUYỄN VĂN THỨ	08/07/2002	CCQ2012R							(V) 0 1 2 3 4 5 6
56	2120120728	TRẦN THỊ THƯƠNG	28/03/2002	CCQ2012R						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
57	2120120603	PHẠM THỊ CẨM TIÊN	18/06/2002	CCQ2012Q						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6
58	2120120722	TRƯƠNG DUY TÍNH	09/07/2002	CCQ2012Q						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
59	2120120723	ĐỖ CAO TOÀN	26/08/2001	CCQ2012Q						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6
60	2120120604	TRẦN MỸ TRANG	22/06/2002	CCQ2012Q						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 10**

CBGD: **Hà Minh Phước (260022)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tổ đàm vòng tròn
61	2120240116	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	22/03/2002	CCQ2012R					8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
62	2119150062	PHAN THANH	TRIỂN	17/08/2001	CCQ1912P						(V) (0) (1) (2) (3) (4)
63	2120200031	NGUYỄN TUYẾT	TRINH	16/12/2002	CCQ2012R						(V) (0) (1) (2) (3) (4)
64	2120120605	ĐINH ĐỨC	TRUNG	14/12/2000	CCQ2012Q						(V) (0) (1) (2) (3) (4)
65	2120120606	NGUYỄN ĐỖ ANH	TUẤN	18/08/2001	CCQ2012Q					9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
66	2120170071	TRẦN QUỐC	TUẤN	29/12/2002	CCQ2012Q						(V) (0) (1) (2) (3) (4)
67	2119120417	DƯƠNG VĂN	TUYẾN	09/10/1999	CCQ1912L					7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
68	2120240056	NGUYỄN MINH	TUYẾN	02/11/1999	CCQ2012R					7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
69	2120120608	HUỖNH LÊ BẢO	YẾN	31/12/2002	CCQ2012Q					8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)
70	2119120617	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	14/07/2001	CCQ1912Q					9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4)